

Quyền ngôn ngữ và những nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn chữ viết của người dân tộc thiểu số: Trường hợp chữ Mông ở Việt Nam

Nguyễn Văn Hiệp*

Trường Ngoại ngữ - Du lịch, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, 298 Cầu Diễn, phường Cầu Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài 13/4/2023; ngày chuyển phân biên 17/4/2023; ngày nhận phân biên 28/4/2023; ngày chấp nhận đăng 2/5/2023

Tóm tắt:

Bài báo nêu và bàn luận các khía cạnh của quyền ngôn ngữ như một thành tố của quyền con người. Trong đó khẳng định, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn ủng hộ quyền các dân tộc trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc mình, được thể hiện trong Hiến pháp và các bộ luật (như Luật Giáo dục), nghị định, thông tư, bảo đảm cho sự phát triển hài hòa của từng dân tộc trong sự phát triển chung, bền vững của đất nước, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của từng dân tộc trong quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ, bảo đảm thống nhất trong đa dạng. Bài báo cũng phân tích những điểm cốt lõi về quyền ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số, hướng đến việc bảo tồn các ngôn ngữ có nguy cơ mai một và tạo điều kiện để ngôn ngữ các dân tộc thiểu số có thể phát huy giá trị của mình trong việc bảo tồn bản sắc dân tộc, bảo tồn các giá trị văn hóa. Trong quyền ngôn ngữ, có quyền lựa chọn chữ viết. Tác giả đã dựa trên cách tiếp cận của P. Unseth (2005) [1] về các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn chữ viết khi có nhiều hơn một chữ viết tồn tại để bàn luận về trường hợp lựa chọn chữ viết Mông ở Việt Nam.

Từ khóa: chữ viết Mông, dân tộc thiểu số, quyền con người, quyền ngôn ngữ, sự lựa chọn chữ viết.

Chỉ số phân loại: 5.10

1. Đặt vấn đề

Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam (2013) [2] cũng như các bản Hiến pháp trước đó, luôn khẳng định quyền ngôn ngữ của các dân tộc anh em ở Việt Nam, quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ. Quyền ngôn ngữ là một thành tố trong quyền con người, đã được Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948 khẳng định [3]. Trong các quyền ngôn ngữ, có quyền về chữ viết. Trong số các dân tộc có chữ viết ở Việt Nam, có tình trạng một dân tộc có hơn một bộ chữ viết, buộc phải có sự lựa chọn hợp lý. Trong khi chữ Mông Việt Nam đang khó khăn trong con đường phổ cập. Chữ Mông quốc tế ban đầu du nhập qua con đường truyền giáo, hiện nay được tiếp sức qua hệ sinh thái các loại phim, clip nhạc có phụ đề, mạng internet đang trở nên phổ biến.

Trong bài báo này, dựa theo nghiên cứu có tính tổng kết của P. Unseth (2005) [1], tác giả phân tích các nhân tố có ảnh hưởng đến việc lựa chọn chữ Mông ở Việt Nam để đi đến một số kiến nghị cho việc lựa chọn chữ Mông, trong định hướng bảo tồn và phát huy giá trị, bản sắc ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, góp phần phát triển bền vững đất nước trong bối cảnh công nghiệp hoá, đổi mới và hội nhập.

2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu thực địa: Để có được bức tranh toàn cảnh về tình hình sử dụng, nguyện vọng của đồng bào dân tộc, lãnh đạo các cấp ở địa phương đối với chữ viết của người Mông, tác giả cùng nhóm nghiên cứu của đề tài: “Tổng hợp các kết quả nghiên cứu và đề xuất kiến nghị với Chính phủ và các cơ quan có liên quan về những vấn đề cấp bách để bảo tồn và phát huy vai trò, bản sắc của ngôn ngữ, chữ viết dân tộc thiểu số” đã thực hiện nghiên cứu điền dã tại các địa bàn có người Mông ở Lai Châu, Hà Giang, Lào Cai, Nghệ An. Những vấn đề được nêu ra thảo luận trong bài báo này được rút ra từ dữ liệu mà tác giả và nhóm nghiên cứu có được qua điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu và tọa đàm khoa học.

*Email: hiepnv@haui.edu.vn

Phương pháp phân tích, tổng hợp lý thuyết và áp dụng vào trường hợp cụ thể: Bài báo vận dụng quan điểm của Đảng và Nhà nước về quyền ngôn ngữ, có tham khảo quan điểm của Tuyên ngôn Bachelona [4] về vấn đề này, kết hợp với cách tiếp cận của P. Unseth (2005) [1] về các nhân tố có ảnh hưởng đến sự lựa chọn chữ viết, từ đó áp dụng phân tích các nhân tố có ảnh hưởng đến sự lựa chọn chữ Mông ở Việt Nam và đi đến một số kiến nghị.

3. Quyền ngôn ngữ

3.1. Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền ngôn ngữ

Trước hết, Đảng và Nhà nước Việt Nam chủ trương trước hết phải nâng cao ý thức quốc gia dân tộc, bảo đảm cho sự phát triển hài hòa của từng dân tộc trong sự phát triển chung, bền vững của đất nước. Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn khẳng định quyền lợi và nghĩa vụ của từng dân tộc trong quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ, bảo đảm thống nhất trong đa dạng.

Từ sau 1945 đến nay, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn ủng hộ quyền các dân tộc trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc mình, trong đó quyền ngôn ngữ các dân tộc thiểu số, thể hiện trong các bản Hiến pháp và các bộ luật (như Luật Giáo dục), các nghị định, thông tư. Quyền ngôn ngữ được thể hiện nhất quán ở 4 điểm sau: i) Thừa nhận và bảo đảm quyền có ngôn ngữ riêng của tất cả các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam; ii) Thừa nhận về mặt pháp lý quyền bình đẳng và sự phát triển tự do của tất cả các ngôn ngữ dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam; iii) Tạo điều kiện thuận lợi cho các dân tộc sử dụng tiếng nói và chữ viết của dân tộc mình trong đời sống và trong các lĩnh vực hoạt động xã hội; iv) Khuyến khích các dân tộc thiểu số học tiếng Việt với tư cách là ngôn ngữ quốc gia trên nguyên tắc tự nguyện và tôn trọng sự phát triển tự do, bình đẳng của ngôn ngữ các dân tộc khác, tạo ra các trạng thái song ngữ dân tộc - Việt (ngôn ngữ quốc gia), lấy tiếng Việt làm phương tiện chung để đoàn kết, củng cố và hợp nhất các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam.

Language rights and factors affecting the written choice of ethnic minorities: The case of H'mong script in Vietnam

Van Hiep Nguyen*

School of Languages and Tourism, Hanoi University of Industry,
298 Cau Dien Street, Cau Dien Ward, Bac Tu Liem District, Hanoi, Vietnam

Received 13 April 2023; revised 28 April 2023; accepted 2 May 2023

Abstract:

The article outlines and discusses aspects of language rights as a component of human rights. The article affirms that the Party and the Government of Vietnam always support the rights of all ethnic groups in preserving and promoting their cultural identity, which is reflected in the Constitutions and Laws (such as the Law of Education), Decrees and Circulars, ensuring the harmonious development of each ethnic group in the sustainable development of the country, ensuring the rights and obligations of each ethnic group in a multi-ethnic and multi-language country, ensuring unity in diversity. The article also introduces several core points in the linguistic rights of ethnic minorities, aiming to preserve languages in danger and create conditions for ethnic minorities to promote their values in preserving national identity and cultural values. In the language right, there is the right to choose the script. Based on the approach of P. Unseth (2005) [1] to factors affecting script choice when more than one script exists, the paper discusses the case of Hmong script choice in Vietnam as a case study.

Keywords: choice of writing, ethnic minorities, H'mong script, human rights, language rights.

Classification number: 5.10

Kháng định quyền ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam, Điều 5 khoản 3 của Hiến pháp 2013 ghi rõ: “Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình”.

Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam cũng là quan điểm tiên bộ được khẳng định trong Tuyên ngôn chung Barcelona [4] về quyền ngôn ngữ. Tuyên ngôn này được xem là kết quả đấu tranh lâu dài để các dân tộc/sắc tộc có được quyền ngôn ngữ, quyền văn hoá, gắn với quyền rộng lớn hơn, đó là quyền con người.

3.2. Quyền ngôn ngữ theo Tuyên ngôn chung Barcelona

Cho đến nay, vấn đề ngôn ngữ dân tộc/tộc người thiểu số ở các quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ, đa tộc người thường được các nhà nghiên cứu trên thế giới bàn đến rất nhiều và luận điểm xuất phát của họ cũng rất khác nhau. Tuy nhiên, vẫn có thể thấy được cơ sở lý luận và thực tiễn chung nhất của họ khi bàn về những vấn đề liên quan tới ngôn ngữ các dân tộc thiểu số. Rất nhiều nhà khoa học ở Nga, Trung Quốc, Mỹ và các nước trên thế giới đã bàn về vai trò của ngôn ngữ, về quyền ngôn ngữ cũng như quyền văn hóa trong bối cảnh rộng hơn là vấn đề quyền con người hay nhân quyền (Human Rights).

Trong quyền con người có quyền văn hóa và quyền có ngôn ngữ của dân tộc mình và mỗi cá nhân trong cộng đồng đó gắn với vấn đề sinh thái ngôn ngữ học dưới ảnh hưởng của thể chế chính trị ở mỗi quốc gia. Tinh thần đó được thể hiện trong Tuyên ngôn Quốc tế về quyền con người vào năm 1948, theo đó quyền ngôn ngữ lần đầu tiên được đưa vào như một quyền con người. Ở khía cạnh luật quốc tế về quyền con người, quyền ngôn ngữ được nêu trong nhóm quyền văn hoá và giáo dục.

Điều 2 của Tuyên ngôn Quốc tế về quyền con người năm 1948 khẳng định: “Mọi người sinh ra đều được hưởng tất cả các quyền và tự do không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, nguồn gốc dân tộc hoặc xã hội”. Trên tinh thần đó, Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị quy định người dân tộc thiểu số có đầy đủ các quyền dân sự, chính trị, bình đẳng với tất cả mọi người. Những quyền đó được hiểu là bao gồm quyền sống, quyền không bị ngược đãi, quyền tự do an ninh cá nhân, quyền không bị xâm phạm thân thể, quyền bình đẳng trước tòa án, quyền tự do đi lại, tự do cư trú, quyền riêng tư, quyền tự do biểu đạt ý kiến, quyền tự do lập hội, quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Nói đến quyền ngôn ngữ, không thể không nhắc đến Tuyên ngôn chung Barcelona bởi quan điểm tiên bộ và những gian nan, trắc trở của Tuyên ngôn này.

Tuyên bố chung về quyền ngôn ngữ (còn được gọi là Tuyên bố Barcelona) là một văn bản được ký cam kết bởi một số tổ chức phi chính phủ vào năm 1996, mục đích để ủng hộ quyền ngôn ngữ, đặc biệt là những ngôn ngữ có nguy cơ tiêu vong (tức các ngôn ngữ có nguy cơ cao trong thang độ 5 bậc các ngôn ngữ có nguy cơ). Văn bản này được thông qua khi kết thúc Hội nghị thế giới về quyền ngôn ngữ được tổ chức từ ngày 6-9/6/1996 tại Barcelona, Tây Ban Nha. Sau đó, được trình lên Tổng giám đốc UNESCO ngay trong năm 1996 nhưng Tuyên bố đã không được sự chấp thuận chính thức của UNESCO.

Bản Tuyên ngôn được xây dựng và công bố dựa trên các dự đoán rằng, trong thế kỷ XXI có khả năng đến 80% ngôn ngữ trên thế giới biến mất. Viễn cảnh đen tối này tất yếu dẫn đến một hệ luận: Hãy làm mọi cách để giữ gìn sự đa dạng ngôn ngữ, cũng là giữ gìn kinh nghiệm, thế giới quan, triết lý sống, sự đa dạng và riêng biệt văn hoá của nhân loại. Ngôn ngữ của các dân tộc được tôn trọng là một trong những nhân tố quan trọng cho sự phát triển bền vững.

Tuyên ngôn Barcelona nêu một nhận thức mới về khái niệm đa dạng ngôn ngữ, dựa trên xác quyết rằng, tất cả các ngôn ngữ đều là di sản của nhân loại và tin rằng quyền di sản này phải được giữ gìn, bảo vệ. Khi một ngôn ngữ biến mất, sự cân bằng sinh thái ngôn ngữ trên thế giới bị đảo lộn và có thể dẫn đến những hậu quả không thể lường trước được.

Đây là sự đóng góp quan trọng của Tuyên ngôn Barcelona, đó là thúc đẩy nhận thức rằng, sự đa dạng ngôn ngữ không chỉ là cần thiết mà nó còn là một đóng góp thiết yếu cho nhân loại. Mỗi ngôn ngữ cung cấp cho chúng ta một cách để hiểu thế giới và hiểu con người trong thế giới đó.

Tuyên ngôn cũng khẳng định rằng, nhận thức của con người về ngôn ngữ phải được thay đổi, trong đó có cách nghĩ hoang đường về sự đa dạng ngôn ngữ như một rào cản giao tiếp và hội nhập. Điều ngược lại mới đúng, chính ngôn ngữ là một thực thể hữu hình, là nhân tố cơ bản giúp cho việc hoà nhập mà không hoà tan. Cái làm cho ngôn ngữ đóng vai cốt yếu trong một nền văn hóa hài hoà là sự thể rằng nó có thể được truyền đi và tích lũy: đó là sự giàu có mà mọi người đều có thể thụ hưởng và việc thụ đắc nó không hàm ý bất kỳ sự từ bỏ nào.

Tuyên bố đã được đưa ra vào thời điểm mà sự đa dạng ngôn ngữ của Trái đất bị đe dọa nghiêm trọng, bởi những lý do sau đây: i) Xu hướng xưa cổ, khá nhất quán của đa số các nước nhằm giảm tính đa dạng và cổ suy thái độ đối lập với đa nguyên văn hóa và đa nguyên ngôn ngữ; ii) Xu hướng hướng tới nền kinh tế toàn cầu và do đó hướng tới thị trường toàn cầu trong thông tin, giao tiếp và văn hóa, làm gián đoạn các không gian liên kết và các hình thức tương tác vốn đảm bảo cho sự gắn kết nội bộ của các cộng đồng ngôn ngữ; iii) Mô hình tăng trưởng theo chủ nghĩa kinh tế được thúc đẩy bởi các tập đoàn kinh tế xuyên quốc gia, vốn luôn tìm cách đồng nhất sự bãi bỏ quy định với tiến bộ và chủ nghĩa cá nhân tự do mang tính cạnh tranh tạo ra sự bất bình đẳng nghiêm trọng, ngày càng tăng về kinh tế, xã hội, văn hóa và ngôn ngữ.

Tuyên ngôn quốc tế về quyền ngôn ngữ phản đối những nhân tố này với quan niệm về chủ nghĩa phổ quát dựa trên sự đa dạng về ngôn ngữ và văn hóa để cùng nhau vượt qua xu hướng đồng nhất hoá và những xu hướng hướng tới sự cô lập loại trừ. Nó có các trục cơ bản: i) Ở góc độ chính trị, là mục tiêu kiến tạo một cách tổ chức sự đa dạng ngôn ngữ nhằm cho phép sự tham gia hiệu quả của các cộng đồng ngôn ngữ vào mô hình tăng trưởng mới; ii) Ở góc độ văn hóa, mục tiêu là làm cho không gian giao tiếp trên toàn thế giới tương thích với sự tham gia bình đẳng của tất cả các dân tộc, cộng đồng ngôn ngữ và cá nhân vào tiến trình phát triển; iii) Ở góc độ kinh tế, mục tiêu là thúc đẩy phát triển bền vững dựa trên sự tham gia của tất cả và dựa trên sự tôn trọng hệ cân bằng sinh thái của các xã hội và sự tôn trọng các mối quan hệ bình đẳng giữa tất cả các ngôn ngữ và các nền văn hóa.

Tuyên ngôn Barcelona khẳng định những quyền ngôn ngữ quan trọng sau đây: i) Quyền được công nhận là thành viên của một cộng đồng ngôn ngữ; ii) Quyền sử dụng một ngôn ngữ riêng cả ở nơi riêng tư và nơi công cộng; iii) Quyền sử dụng một tên riêng; iv) Quyền tương tác và liên kết với các thành viên khác của một cộng đồng ngôn ngữ gốc; v) Quyền duy trì và phát triển văn hóa riêng; vi) Tất cả các quyền khác liên quan đến ngôn ngữ được công nhận trong Công ước Quốc tế về dân sự và các quyền chính trị ký ngày 16/12/1996 [5] và Công ước Quốc tế về kinh tế, xã hội và văn hóa ký cùng ngày (Điều 3.1) [6].

Tuyên ngôn chung Barcelona cũng xem xét quyền và nghĩa vụ của các cá nhân, những người xác lập bản thân mình trong phạm vi của một cộng đồng ngôn ngữ khác để duy trì các mối quan hệ, thúc đẩy hội nhập, được hiểu như là sự chào đón, tiếp nhận của xã hội đối với các cá nhân, trong khi chỉ chấp nhận đồng hóa như là kết quả của một lựa chọn cá nhân hoàn toàn tự do. Đồng hóa được hiểu “là sự tiếp biến văn hóa của các cá nhân trong xã hội tiếp nhận họ, để họ thay thế các đặc điểm văn hóa ban đầu của riêng họ bằng các tham chiếu khác, các giá trị và hành vi phù hợp với xã hội tiếp nhận họ” (Điều 4.2 của Tuyên ngôn).

Đối với các quyền cá nhân này, Tuyên bố bổ sung thêm các quyền ngôn ngữ: i) Quyền được dạy ngôn ngữ và văn hóa của họ; ii) Quyền tiếp cận các dịch vụ văn hóa; iii) Quyền có sự hiện diện công bằng của ngôn ngữ và văn hóa của họ trên các phương tiện truyền thông; iv) Quyền nhận được quan tâm đối với ngôn ngữ của họ từ các cơ quan Chính phủ và các quan tâm về kinh tế, xã hội (Điều 3.2 của Tuyên ngôn).

Tác giả cho rằng, Tuyên ngôn Barcelona thật sự là một tuyên ngôn tiên bộ về quyền ngôn ngữ của các dân tộc, đặc biệt là các dân tộc thiểu số. Việc Tuyên ngôn chưa được UNESCO thông qua, theo tác giả, có lẽ là do đa số quốc gia chưa có đủ điều kiện nhân lực, vật lực để thực hiện các điều khoản về quyền ngôn ngữ của Tuyên ngôn Barcelona.

Quyền có chữ viết, quyền được lựa chọn chữ viết thuộc về quyền ngôn ngữ của các dân tộc nói chung, trong đó có các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

4. Các nhân tố tác động đến sự lựa chọn chữ viết: Trường hợp chữ Mông ở Việt Nam

4.1. Tình hình chung về chữ viết các dân tộc thiểu số ở Việt Nam

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ. Theo Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam được công bố năm 1979, ở Việt Nam có 54 dân tộc với dân tộc Kinh chiếm đa số. Bên cạnh đó, có 53 dân tộc anh em thuộc các ngữ hệ khác nhau, được gọi chung là các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Tuy nhiên, không phải tất cả các dân tộc thiểu số ở Việt Nam đều có chữ viết. Theo thống kê của T.V. Thông và cs (2017) [7], hiện nay các dân tộc ở Việt Nam đã có chữ viết gồm: Ba Na, Bru-Vân Kiều, Chăm, Chơ Ro, Chu Ru, Co, Cơ Ho, Cơ Tu, Dao, Ê Đê, Gia Rai, Giẻ-Triêng, Hà Nhì, Hoa, Mông, Hrê, Kơ Me, Kinh, Lào, Lô Lô, Mạ, Mnông, Mường, Nùng, Ra Giai, Pà Thẻn, Sán Chay, Sán Diu, Tà Ôi, Tày, Thái, Xơ Đăng, Xtiêng. Các dân tộc chưa có chữ viết là Bô Y, Brâu, Chứt, Công, Cơ Lao, Giáy, Kháng, Kơ Mú, Thổ, La Chí, La Hủ, La Ha, Lự, Mảng, Ngái, Ô Đu, Phù Lá, Pu Páo, Rơ Măm, Si La, Xinh Mun [7]. Trong năm 2020, có thêm chữ Hà Nhì do Viện Ngôn ngữ học xây dựng, dùng cho đồng bào Hà Nhì ở Lai Châu.

Có nhiều cách khác nhau để phân loại chữ viết của các dân tộc ở Việt Nam: Phân loại theo tự dạng (các tự dạng khác nhau theo loại hình học chữ viết, như chữ viết theo tự dạng Latin, tự dạng Thái, tự dạng Sanskrit, tự dạng Hán...), phân loại theo thời gian xây dựng (chữ “cổ truyền” có từ lâu đời hay chữ “mới”, mới được xây dựng chưa lâu). Có thể nói, bức tranh toàn cảnh về chữ viết của các dân tộc ở Việt Nam là rất đa dạng.

Hiện nay, bên cạnh thực tế có một số dân tộc thiểu số ở Việt Nam chưa có chữ viết, lại có tình trạng một dân tộc có nhiều hệ thống chữ viết, như người Thái có đến 8 bộ chữ viết, người Chăm có ít nhất 3 bộ chữ viết, người Cơ Tu có 2 bộ chữ viết, người Mông có 2 bộ chữ viết... Tình hình này cũng gây ra nhiều khó khăn trong việc chọn chữ viết thống nhất, để có thể phát huy được tối đa lợi ích của chữ viết.

Quyền có chữ viết, quyền được lựa chọn chữ viết thuộc về quyền ngôn ngữ của các dân tộc nói chung, trong đó có các dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Đối với những dân tộc có hơn một bộ chữ viết, vấn đề đặt ra là bộ chữ viết nào được lựa chọn và những nhân tố nào tác động đến sự lựa chọn đó.

4.2. Sự lựa chọn chữ Mông ở Việt Nam

Trong một nghiên cứu được biết đến rộng rãi, P. Unseth (2005) [1] cho rằng có 4 nhân tố tác động đến sự lựa chọn chữ viết. Trong mục này, tác giả phân tích các nhân tố này và đối chiếu với việc lựa chọn chữ Mông ở Việt Nam.

Thứ nhất, cộng đồng có thể chọn một loại chữ nhất định để đánh dấu nhóm, nhằm phân biệt mình với nhóm khác. Nói cách khác, việc lựa chọn chữ viết là một cách để khẳng định căn cước (identity) của nhóm, và thường gắn liền với quá khứ “vinh quang” (glorious) của nhóm đó. Một sự lựa chọn như thế có thể thấy ở Mông Cổ (không tính đến Nội Mông hiện thuộc sự quản lý của Trung Quốc). Từ những năm 1940, do ảnh hưởng của Liên Xô (cũ), chữ viết chính thức của Mông Cổ là chữ Cyrillic. Tuy nhiên, từ những năm 1980, đã có sự quan tâm đến chữ Mông Cổ truyền thống, kết quả là năm 1986 thì chữ Mông Cổ truyền thống đã được đưa trở lại nhà trường như một môn học, bởi chữ này được chế tác trong kỷ nguyên vàng (golden age) của Mông Cổ và có vai trò lịch sử quan trọng như là chìa khoá để hiểu văn hoá truyền thống của Mông Cổ. Đến năm 1994 thì chữ Cyrillic được tái lập vị thế cho phần lớn mục đích sử dụng, tuy nhiên, chữ Mông Cổ truyền thống vẫn được tiếp tục sử dụng như biểu tượng của quá khứ vinh quang [1]. Căn cước của nhóm có thể là một thành tố của văn hóa quốc gia, nhưng cũng có thể được xác định trong mối quan hệ khăng khít với những người cùng dân tộc và ngôn ngữ, dù họ sống ở nước ngoài [2].

Các cộng đồng Mông ở Việt Nam có thể chọn chữ Mông Việt Nam để đánh dấu nhóm theo tinh thần như vậy, gắn với kỷ ức tốt đẹp với cách mạng, với Bác Hồ, bởi lẽ cách mạng đã giải phóng cho các dân tộc ở Việt Nam, đem lại vị thế của người dân tự do, trong một nước độc lập. Tuy nhiên, cũng theo nhân tố này, cộng đồng người Mông theo Tin Lành ở Việt Nam có thể chọn chữ Mông quốc tế để thấy họ gắn với cộng đồng đồng đạo người Mông theo Tin Lành đang cư trú ở nhiều nơi trên thế giới, ở Mỹ, Thái Lan, Lào, Trung Quốc..., thậm chí là gắn với cộng đồng Mông theo Tin Lành ở Việt Nam.

Thứ hai, cộng đồng cũng có thể lựa chọn chữ viết nhằm giữ khoảng cách với nhóm khác. Mông muốn giữ khoảng cách chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố, bao gồm lòng tự hào dân tộc, tôn giáo và cả mong muốn có quyền tự chủ về chính trị [1]. Đây là trường hợp trong Nam Tư (cũ), người Serbs theo Chính thống giáo (Orthodox) dùng chữ Cyrillic, trong khi người Croats theo Thiên chúa giáo (Catholic) dùng chữ Roman. Tác giả cho rằng, các cộng đồng người Mông theo đạo Tin Lành có thể đã chọn chữ Mông quốc tế theo lý do tôn giáo, giữ khoảng cách nào đó với những người Mông không theo Tin Lành.

Thứ ba, những nhân tố liên quan đến phát triển trên tầm rộng cũng có thể ảnh hưởng đến sự lựa chọn chữ viết [2]. Đây là nhân tố mang tính thực dụng. Ví dụ mà P. Unseth (2005) [1] dẫn ra là sự lựa chọn chữ viết của Thổ Nhĩ Kỳ, từ bỏ chữ viết tự dạng Ả Rập để chuyển sang tự dạng Latin vào năm 1928, khi nước Cộng hoà Thổ Nhĩ Kỳ được thành lập (1923) dưới sự lãnh đạo của Kemal Ataturk. Trước đó, Thổ Nhĩ Kỳ dùng chữ viết theo tự dạng Ả Rập, một sự lựa chọn không chỉ phản ánh tôn giáo chính của Thổ Nhĩ Kỳ mà còn phản ánh quan hệ thương mại của nước này với các nước Hồi giáo trong khu vực. Tuy nhiên, khi Cộng hoà Thổ Nhĩ Kỳ được thành lập như một nhà nước thế tục, bản sắc của nhà nước Hồi giáo bị suy giảm và nhu cầu thương mại với các nước châu Âu tăng lên, việc lựa chọn chữ viết theo tự dạng Latin là một lựa chọn để Thổ Nhĩ Kỳ gần gũi hơn với các quốc gia châu Âu về mọi mặt.

Ở Việt Nam, có một thực tế là một số người Mông không theo Tin Lành nhưng lại lựa chọn dùng chữ Mông quốc tế, cũng với lý do thực tế này. Với hệ sinh thái các ấn phẩm chữ Mông quốc tế (băng đĩa phim ảnh, bài hát với phụ đề chữ Mông quốc tế, mạng xã hội và dịch Google theo chữ Mông quốc tế...), nhiều người Mông chọn chữ Mông quốc tế bởi sự phát triển của cá nhân và cộng đồng hơn là các nhân tố cảm xúc, tâm linh, chính trị. Trong trường hợp này, họ đơn giản muốn học chữ Mông quốc tế để nâng cao hiểu biết, mở rộng giao lưu, phát triển việc làm ăn, buôn bán, để giải trí. P. Unseth (2005) [1] cho rằng, dựa trên nhu cầu tương tác với các nhóm khác, việc lựa chọn chữ viết có thể chịu ảnh hưởng của “sự khả dụng của công nghệ in ấn”. Dĩ nhiên, đối với trường hợp hai bộ chữ Mông ở Việt Nam, nhân tố về sự khả dụng của công nghệ in ấn này không được thể hiện rõ vì chữ Mông Việt Nam chủ yếu được in trong các tài liệu tuyên truyền của Nhà nước, còn chữ Mông quốc tế theo đường in ấn dường như chỉ thấy ở Kinh Thánh và các sách Thánh ca, được đưa vào Việt Nam từ nước ngoài. Tác giả cho rằng, ở Việt Nam hiện nay, nhân tố “sự khả dụng của công nghệ in ấn” được thay thế bằng sự sẵn có của internet và các nguồn tài liệu số, vốn có thể truy cập dễ dàng bằng điện thoại thông minh. Với chữ Mông quốc tế, thông qua dịch Google, người Mông ở Việt Nam có thể nhanh chóng tiếp cận với các nguồn thông tin của thế giới, xác lập các quan hệ trao đổi, mua bán, giáo dục, giải trí với các đối tác khác, thông qua dịch Google Mông-Việt và Việt-Mông, Mông-Anh và Anh-Mông, Mông-Hoa và Hoa-Mông...

Theo H.B. Hua (2014) [8], trong đề tài khảo sát của Ủy ban Dân tộc năm 2013-2014 có câu hỏi được hỏi ở các tỉnh có người Mông như sau: nếu được lựa chọn Chữ Mông để học và sử dụng ông/bà lựa chọn loại chữ Mông nào? Kết quả như sau:

Điện Biên: Chữ Mông Việt Nam 14,1%, chữ Mông quốc tế 85,9%.

Hà Giang: Chữ Mông Việt Nam 11,4%, chữ Mông quốc tế 88,6%.

Cao Bằng: Chữ Mông Việt Nam 3,6%, chữ Mông quốc tế 96,4%.

Lai Châu: Chữ Mông Việt Nam 8,1%, chữ Mông quốc tế 91,9%.

Theo tác giả, sự lựa chọn như vậy phản ánh vai trò của nhân tố “liên quan đến phát triển trên tầm rộng” trong lựa chọn chữ viết của người Mông ở Việt Nam.

Thứ tư, cộng đồng cũng có thể lựa chọn chữ viết dựa trên những đặc điểm ngôn ngữ học của loại chữ đó. Tức là khi lựa chọn chữ viết, cộng đồng sẽ đánh giá xem một loại chữ có thể hiện hợp lý, đầy đủ các nguyên âm, phụ âm và thanh điệu trong ngôn ngữ của mình hay không [1]. Dĩ nhiên, các cộng đồng Mông không phải là các nhà ngôn ngữ học để đưa ra lựa chọn theo tiêu chí này. Tuy nhiên, họ có cảm thức của người bản ngữ. Phần lớn người Mông chỉ cảm nhận rằng, chữ Mông quốc tế đọc lên nghe hay hơn và dễ học hơn vì không có dấu, không có những nguyên âm xa lạ. Ở đây, có vấn đề về phương ngữ Mông được lựa chọn để xây dựng chữ viết. Chữ Mông Việt Nam được xây dựng chủ yếu dựa trên phương ngữ Mông Hoa (Mông Lệnh) ở vùng Sa Pa, Lào Cai, không phải là phương ngữ Mông tiêu biểu, cộng thêm một số âm vị được bổ sung từ một số phương ngữ Mông khác. Trong khi đó, chữ Mông quốc tế được xây dựng trên cơ sở phương ngữ Mông Trắng, là phương ngữ Mông phổ biến hơn cả (người Mông có nhiều nhánh, nhưng Mông Trắng là nhánh đa số, tất cả các nhánh Mông đều hiểu tiếng Mông Trắng). Có một điều đáng tiếc là giới học thuật ở Việt Nam chưa có nhiều hoặc chưa công bố rộng rãi công trình nghiên cứu nào phân tích và đối chiếu các đặc điểm của chữ Mông quốc tế và chữ Mông Việt Nam.

5. Một số kiến nghị

Trong quá trình thực hiện đề tài “Tổng hợp các kết quả nghiên cứu và đề xuất kiến nghị với Chính phủ và các cơ quan có liên quan về những vấn đề cấp bách để bảo tồn và phát huy vai trò, bản sắc của ngôn ngữ, chữ viết dân tộc thiểu số”, tác giả và nhóm nghiên cứu có điều kiện để tiến hành các khảo sát điền dã các vùng người Mông ở Hà Giang, Lai Châu, Sơn La, Lào Cai, Nghệ An, Thanh Hóa, trong đó có nhiều cuộc tọa đàm khoa học, phỏng vấn sâu. Tác giả cũng có điều kiện tham khảo những nghiên cứu trước đây [6-11], cũng như tham khảo lý luận về sự lựa chọn chữ viết trên thế giới... Cần nhắc các nhân tố tác động đến sự lựa chọn chữ viết, tác giả và nhóm nghiên cứu đã đi đến những kiến nghị sau đây:

Thứ nhất, Nhà nước và các cơ quan có trách nhiệm (Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Ủy ban Dân tộc, Viện Ngôn ngữ học thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam...) cần nghiên cứu thêm về thực trạng và nhu cầu sử dụng chữ viết của người Mông ở Việt Nam. Qua đó xác định bộ chữ nào phù hợp với nhu cầu và nguyện vọng của người dân, không được bỏ qua thực tế về sự tồn tại khách quan chữ Mông quốc tế ở Việt Nam, được một số lượng rất lớn người Mông biết và sử dụng hàng ngày.

Thứ hai, cần có quan điểm thực tế, tức cần tách biệt mục đích ban đầu với giá trị thực tiễn khách quan của bộ chữ. Chữ viết là công cụ để hỗ trợ ngôn ngữ lời nói, trong những trường hợp phải lựa chọn thì nên lựa chọn bộ chữ hiệu quả hơn. Trên thực tế còn nhiều ý kiến cho rằng, chữ Mông quốc tế tiềm tàng các nhân tố nhạy cảm về chính trị (xem đây là bộ chữ dùng để truyền đạo Tin Lành). Tuy nhiên, cần thấy rằng, việc đạo Tin Lành sử dụng chữ Mông quốc tế để truyền bá Kinh Thánh và việc chữ Mông quốc tế hiện được sử dụng rộng rãi trong cộng đồng người Mông (theo Tin Lành và không theo Tin Lành) là hai việc khác nhau. Lịch sử đã ghi nhận, chính chữ Quốc ngữ ban đầu được chế tác cũng là để phục vụ truyền giáo, nhưng sau đó đã trở thành chữ viết của cả dân tộc, thay thế cho chữ Nôm để ghi lại tiếng Việt.

Thứ ba, cần đánh giá lại bộ chữ Mông Việt Nam, chỉnh sửa những chỗ chưa hợp lý và những lý do vì sao bộ chữ này bị coi là phức tạp, khó học. Theo tác giả, đó là do giải pháp phân xuất âm vị học chưa hợp lý, có nhiều con chữ ngoại lệ, phải ghi nhớ (ví dụ một số chữ cái phụ âm vừa dùng để ghi phụ âm nếu đứng trước từ, nhưng lại dùng ghi thanh điệu nếu đứng cuối từ), khiến việc học và vận dụng rất khó khăn. Còn một lý do nữa là chữ Mông Việt Nam chủ yếu chỉ dựa vào một phương ngữ Mông không thực sự tiêu biểu (phương ngữ Mông Lênh ở vùng Sa Pa, Lào Cai). Trong khi đó, nhánh Mông Trắng được coi là phương ngữ Mông có số đông người nói và có uy tín hơn cả. Nếu vẫn chủ trương vẫn dùng chữ Mông Việt Nam, cần có những nghiên cứu, phân tích các khía cạnh âm vị học - chữ viết để chỉnh sửa, khắc phục những khuyết điểm của bộ chữ, chỉnh sửa để bộ chữ này tương thích rộng rãi với các vùng người Mông khác. Trong khi văn liệu chữ Mông Việt Nam còn chưa nhiều, chữ Mông Việt Nam chưa được sử dụng rộng rãi thì việc chỉnh sửa, bổ sung này là hoàn toàn khả thi.

Thứ tư, cần cân nhắc chi phí khi chỉ thừa nhận chữ Mông Việt Nam mà không thừa nhận bộ chữ Mông quốc tế. Thực tế cho thấy, nếu như chúng ta vẫn cứ sử dụng chữ Mông Việt Nam như là chữ viết duy nhất, thì rõ ràng việc cử bắt buộc học và sử dụng một thứ chữ, mà theo ý kiến của nhiều người mà tác giả có dịp phỏng vấn là khó viết, khó hiểu và không còn nhiều người sử dụng (thực tiễn dạy và học chữ Mông Việt Nam hơn nửa thế kỷ qua và kết quả các cuộc phỏng vấn sâu của tác giả và nhóm nghiên cứu đã khẳng định điều này), thì đó sẽ là một việc ít có tác dụng và thiếu tính khoa học, thiếu thực tế và rất tốn kém.

Thứ năm, để tránh các thiên kiến chính trị, không nên dùng tên gọi chữ Mông Mỹ để chỉ chữ Mông quốc tế, cũng như không dùng tên gọi chữ Mông cách mạng để chỉ chữ Mông Việt Nam. Thay vào đó, nên thống nhất dùng chữ Mông quốc tế (xuất xứ quốc tế) và chữ Mông Việt Nam (do người Việt Nam xây dựng).

Sau các đợt điều tra, thực hiện các phỏng vấn về thực trạng, thái độ và nguyện vọng của đồng bào về việc sử dụng chữ Mông, trong đó có nhiều cuộc phỏng vấn sâu ở Hà Giang, Lào Cai, Điện Biên, Sơn La, Lai Châu, Nghệ An, tác giả và nhóm nghiên cứu thiên về ý kiến của N.K. Tho (2016) [9] trong một nghiên cứu: “không nên/không thể muộn hơn, chúng ta cần công nhận và thống nhất sử dụng chữ Mông quốc tế trong dạy - học chữ Mông ở Việt Nam, vì một mục tiêu hướng tới sự phát triển và khám phá, bảo tồn những giá trị văn hoá đặc sắc và độc đáo của cộng đồng người Mông cũng như việc xây dựng một nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

Tác giả cho rằng, vì sự phát triển bền vững của Việt Nam, một quốc gia đa dân tộc, đa ngôn ngữ, trong đó người Mông là một thành tố quan trọng, Nhà nước cần có chính sách phù hợp trong việc lựa chọn chữ Mông, để cộng đồng người Mông có công cụ mạnh mẽ để bảo tồn và phát huy tiếng nói, văn hoá của dân tộc mình trong bối cảnh công nghiệp hoá, đổi mới và hội nhập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] P. Unseth (2005), “Sociolinguistic parallels between choosing scripts and languages”, *Journal Written Language & Literacy*, **8**(1), pp.19-42.
- [2] National Assembly of Vietnam (2013), *The Constitution of The Socialist Republic of Vietnam* (in Vietnamese).
- [3] United Nations General Assembly (1948), *Universal Declaration of Human Rights*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/quyen-dan-su/Tuyen-ngon-quoc-te-nhan-quyen-1948-65774.aspx>, accessed 10 February 2022 (in Vietnamese).
- [4] M. Sabata (1996), *The Universal Declaration of Linguistic Rights - Twenty Years on*, <https://www.barcelona.cat/bcnmetropolis/2007-2017/en/dossier/la-declaracio-universal-de-drets-linguistics-vint-anys-despres/>, accessed 11 February 2023.
- [5] United Nations General Assembly (1996a), *International Covenant on Civil and Political Rights*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Linh-vuc-khac/Cong-uoc-quoc-te-ve-quyen-dan-su-va-chinh-tri-270274.aspx>, accessed 12 February 2023 (in Vietnamese).
- [6] United Nations General Assembly (1996b), *International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Cong-uoc-quoc-te-cac-quyen-kinh-te-xa-hoi-va-van-hoa-1966-269761.aspx>, accessed 12 February 2022 (in Vietnamese).
- [7] T.V. Thong, T.Q. Hung (2017), *Languages of Ethnic Groups in Vietnam*, Thai Nguyen University Press, 726pp (in Vietnamese).
- [8] H.B. Hua (2014), *Report on The Results of The Investigation and Research on The Current Situation of Using The Mong Script in Yen Bai, Lai Chau, Dien Bien, Ha Giang, and Cao Bang Provinces*, Committee for Ethnic Minority Affairs (in Vietnamese).
- [9] N.K. Tho (2016), “The issue of choosing the Mong script in current Mong language training and education”, *Scientific Journal of Tan Trao University*, **7**, pp.63-69 (in Vietnamese).
- [10] V.B. Thong (2010), “To teach and learn ethnic languages effectively”, <http://www.cema.gov.vn/2010-10-11/d3fc5e004445fb9f889cedd31bc37651-cema.htm>, accessed 14 February 2022 (in Vietnamese).
- [11] Committee for Ethnic Minority Affairs (2013), *Summary Report on The Basic Survey Results of The Use of Spoken Language and Writing of The Mong Ethnic Group* (in Vietnamese).